

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh

Ông Nguyễn Đại Đồng

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979. Có đơn xin vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2002 chị có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn U, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải, hai bên có khác biệt nhiều về lối sống và đã ly thân nhau nhiều năm, đến nay không còn hạnh phúc. Nay chị xin ly hôn với Anh U vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: anh chị có hai con chung: Nguyễn Việt A, sinh ngày 23/10/2003 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 29/9/2013. Vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu Anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: Chị trình bày vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị N nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật

Về phía bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, Anh U cũng đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng đều vắng mặt và không trình bày quan điểm ý kiến gì. Tại phiên tòa vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai.

Tại phiên tòa, chị N xin vắng mặt vẫn giữ quan điểm yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng qui trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn: chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt chưa chấp hành nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn U; về con chung: sau ly hôn giao cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 23/9/2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Việt A đã trưởng Thành tự lập nên không xem xét; ghi nhận chị N không yêu cầu Anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và

trợ cấp nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn U có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: thôn Chân Chim, xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn U trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt theo quy định pháp luật tất cả các văn bản trong từng giai đoạn tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) ngày 11/12/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa anh và chị là hợp pháp. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ chị N, Anh U có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng, các đương sự không còn sống chung và đã ly thân từ nhiều nhau từ lâu đến nay dẫn đến vợ chồng cả đôi bên không còn tình cảm dành cho nhau nên đòi sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh, chị trình bày có hai con chung: Nguyễn Việt A, sinh ngày 23/10/2003 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 29/9/2013. Hiện tại hai con chung đang ở với chị N. Xét thấy, con chung là cháu Việt A đã trưởng thành tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, còn cháu Nhật A đang ở với mẹ do mẹ và cháu có

nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển của con chung tránh sự thay đổi xáo trộn trong cuộc sống, sinh hoạt nên cần thiết tiếp tục giao con chung cháu Nhật Anh cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là có căn cứ và phù hợp với quy định phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; ghi nhận việc chị N không yêu cầu Anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: do bị đơn Anh U vắng mặt và không trình bày quan điểm về tài sản công nợ chung. Cần tách vấn đề về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng để giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu để đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố 4 tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Buộc Anh U giao cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 29/9/2013 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu Anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung.

Đối với con chung Nguyễn Việt A, sinh ngày 23/10/2003 đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét.

Anh Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Tách phần tài sản chung và công nợ chung vợ chồng để giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có đủ điều kiện và có yêu cầu, để đảm bảo quyền và lợi ích cho đương sự vắng mặt.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0038942 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Phúc Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng